

Nhân thân: Tại bản án số 207/2005/HSST ngày 13/9/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 07/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Văn X** - Sinh ngày 08/02/1996, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 07/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Mai Trọng Trung T** (tên gọi khác: E) - Sinh ngày 20/01/1991, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Trọng T (Đã chết) và bà Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1965; có vợ là Trịnh Thị Diễm L, sinh năm 1992 và có 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại bản án số 92/2008/HSST ngày 09/4/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, trừ thời hạn tạm giam, còn phải chấp hành 01 năm 04 tháng 03 ngày, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng 08 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Tại bản án số 307/2012/HSPT ngày 14/8/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Được đặc xá ra tù ngày 30/8/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 07/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Võ Tuấn Đ** (Tên gọi khác: U) - Sinh ngày 22/02/1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ N (Đã chết) và bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1962; có vợ là Hoàng Thị Ngọc H, sinh năm 1990, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại bản án số 306/2010/HSST ngày 15/12/2010 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, được đặc xá ngày 30/8/2013.

- Tại Quyết định số 5424/QĐ-XPVPHC ngày 02/12/2015, bị Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 07/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Phạm Văn L** - Sinh ngày 05/5/1973, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1933 và bà Mai Thị Đ, sinh năm 1934; có vợ là Bùi Thị T, sinh năm 1974 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 05/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Phạm Văn T1** (Tên gọi khác: Tài cơ, Tài điện cơ) - Sinh ngày 10/9/1973, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Chí T và bà Đỗ Thị Đ (đều đã chết); có vợ là Ngô Thị D, sinh năm 1973 và có 3 con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại bản án số 05/HSST ngày 28/02/1997 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Bản án số 05/2011/HSPT ngày 28/12/2011, bị Tòa án quân sự Quân khu 5 xử phạt 16 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 07/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Đức H2** (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức N) - Sinh ngày 01/01/1968, tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1927 và bà Lê Thị H, sinh năm 1929; có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1968 và có 02 con (lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại bản án số 352/HSST ngày 25/10/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

- Tại bản án số 409/2013/HSPT ngày 05/11/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 02/4/2014.

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Nguyễn Tiến H3** - Sinh ngày 20/9/1979, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957, đều ở Hà Tĩnh; có vợ Trần Thị H, sinh năm 1977 và có 02 con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ tên: **Nguyễn Hồng V** - Sinh ngày 08/02/1980, tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1934 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1940; có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1980 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 09/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: **Nguyễn Nhượng T2** (Tên gọi khác: L) - Sinh ngày 20/02/1980, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị Kim O (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1987 và có 01 con, sinh năm 1997; tiền sự: không;

Tiền án: Tại Bản án số 194/2005/HSST ngày 05/9/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2004 (đã chấp hành xong phần hình phạt tù, chưa chấp hành phần dân sự truy thu 38.200.000 đồng).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q** (Tên gọi khác: Q, Q) - Sinh ngày 30/10/1979, tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc Tú A, sinh năm 1983 và có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại bản án số 61/HSPT ngày 05/3/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: **Nguyễn H3** - Sinh năm 1968, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q, sinh năm 1935 và bà Phạm Thị U, sinh năm 1935; có vợ là Kiều Thị H, sinh năm 1972 và có 02 con (nhỏ sinh năm 2003, lớn sinh năm 1996);

Tiền án: Tại Bản án số 214/2016/HSPT ngày 17/6/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (chấp hành xong thời gian thử thách ngày 17/6/2017).

Tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án số 18/2005/HSST ngày 29/9/2005, bị Tòa án nhân dân huyện E xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc”, tại Bản án số 93/2008/HSPT ngày 19/5/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc” tổng hợp hình phạt của hai bản án bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 08/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

14. Họ và tên: **Vũ Anh S** - Sinh ngày 21/5/1982, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Anh S, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 601/2008/HSST ngày 04/12/2008, bị Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2008.

- Tại Bản án số 417/2009/HSST ngày 20/8/2009, bị Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2009.

- Tại Bản án số 42/2013/HSST ngày 10/12/2013, bị Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 27/8/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017 đến ngày 20/3/2018, được gia đình bảo lãnh, hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

15. Họ và tên: **Nguyễn Thế N** - Sinh ngày 01/10/1965, tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T (đã chết) và bà Mai Thị Q, sinh năm 1940, trú tại tỉnh Kon Tum; có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1975 và có 02 con (lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Tại bản án số 01/2009/HSST ngày 07/01/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo.

- Tại bản án số 08/2011/HSST ngày 12/01/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Tại bản án số 18/2013/HSST ngày 23/5/2013, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ 30 ngày tạm giam.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 12/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

16. Họ và tên: **Lưu Sinh D** - Sinh ngày 20/10/1965, tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Sinh N và bà Phạm Thị R (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 và có 02 con (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh 1998); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 34/2008/HSPT ngày 27/3/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” và 06 tháng tù tội “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp 06 tháng tù của bản án số 33/2008/HSPT phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 06 tháng, thời hạn tù kể từ ngày bắt thi hành án.

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 120/2010/HSPT ngày 16/11/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2011/HSST ngày 21/4/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 120/2010/HSPT ngày 16/11/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 03 tháng tù (được đình chỉ xét xử phúc thẩm ngày 20/11/2011 theo Bản án hình sự phúc thẩm số 201/2011/HSPT ngày 20/11/2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 12/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

17. Họ và tên: **Nguyễn Văn T3** - Sinh ngày 14/10/1966, tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1947, trú tại tỉnh Nam Định; có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1972 và có 04 con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh 1998); tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 204/HSPT ngày 13/6/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nhân thân: Tại bản án số 30/HSST ngày 27/5/2009, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 06/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

18. Họ và tên: **Cao Hồng S1** - Sinh năm 1983, tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao H, sinh năm 1943 và bà Phạm Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985 và có 02 con (lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại bản án số 275/2014/HSST ngày 28/10/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017 đến ngày 27/9/2017, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

19. Họ và tên: **Bạch Thị P** - Sinh ngày 24/6/1972, tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bạch Xuân H (đã chết) và bà Lê Thị H; có chồng là Võ Xuân C, sinh năm 1966 (đã ly hôn năm 2016) và có 02 con (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

20. Họ và tên: **Phạm Hồng K** - Sinh ngày 10/02/1966, tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm K (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1931; có vợ là Ngô Thị H, sinh năm 1975 và có 05 con (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

21. Họ và tên: **Nguyễn Văn Hoài B** - Sinh ngày 20/10/1995, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; có vợ là Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017

đến ngày 27/9/2017, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

22. Họ và tên: **Chu Thị M** - Sinh ngày 08/11/1982, tại tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn K, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; có chồng là Vũ Văn T, sinh năm 1983 và có 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

23. Họ và tên: **Trương Thanh L1** - Sinh năm 1963, tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Tư D (đã chết) và bà Dương Thị C, trú tại tỉnh Bình Định; có vợ là Đặng Thị B, sinh năm 1965 và có 03 con (lớn nhất sinh 1987, nhỏ nhất sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

24. Họ và tên: **Nguyễn Hồng Q1** - Sinh ngày 22/4/1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh M, sinh năm 1955 và bà Lê Thị M, sinh năm 1955; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017 đến ngày 23/3/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

25. Họ và tên: **Cao Anh K1** - Sinh ngày 19/5/1992, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Tân N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 và có 1 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017 đến ngày 23/3/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

26. Họ tên: **Nguyễn Thị V1** - Sinh năm 1980, tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1927 và bà Trần Thị T, sinh năm 1931; có chồng là Châu Đông Đ, sinh năm 1975 và có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017 đến ngày 27/10/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

27. Họ và tên: **Nguyễn Tấn H4** - Sinh ngày 05/5/1976, tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Đắk Nông; Chỗ ở: tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1947, có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1994 và có một con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017 đến ngày 14/3/2018, được gia đình bảo lãnh tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

28. Họ và tên: **Lê Quý L2** - Sinh ngày 18/6/1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đắk Lắk; Chỗ ở: tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1958 và bà Phùng Thị V, sinh năm 1959, tỉnh Đắk Nông; có vợ là Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2017, đến ngày 05/02/2018 được gia đình bảo lãnh tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Luật sư **Đinh Xuân T** - Văn phòng luật sư A, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk bào chữa cho bị cáo Cao Hồng S1. Có mặt.

2. Luật sư **Dương Lê S** - Văn phòng luật sư L, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn H3, Lưu Sơn D, Nguyễn Thế N. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 12 bị cáo và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa cấp phúc thẩm không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 01/2017 đến ngày 29/6/2017, Trần Duy H cùng đồng phạm đã tổ chức cho hàng trăm đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, sử dụng bãi đất trống diện tích dài 28,5m rộng 9,1m trong rẫy cà phê, hồ tiêu của ông Hoàng Ngọc H4 (tức N), ở thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk làm sới bạc. Để tổ chức sới bạc các bị can đã chuẩn bị những tấm bạt để trải dưới nền đất và che phía trên, dùng các bóng đèn LED chiếu sáng bằng nguồn điện ắc quy; bố trí khu vực nấu ăn (có bếp ga, bình ga, nước uống, thức ăn) để phục vụ các con bạc; phân công người sử dụng ô tô các loại 07 chỗ, 12 chỗ, 16 chỗ để chở các con bạc vào sới bạc; phân công người trông xe, cảnh giới, bảo vệ. Bộ phận cảnh giới được bố trí ở nhiều chốt, sử dụng bộ đàm để thông báo tình hình cho nhau. Đối tượng làm nhiệm vụ bảo vệ trong sới bạc có trang bị dao, kiếm, bình xịt hơi cay để bảo đảm trật tự trong sới bạc. Cụ thể: Nguyễn Văn Q (Q) chịu trách nhiệm thuê Phạm Văn T1, Nguyễn Đức H2, Nguyễn Tiến H3, Nguyễn Trí V3, Phạm Văn L và một số đối tượng khác sử dụng ô tô để đưa đón con bạc; Nguyễn Quốc N3 (N) và Thạch V2 (Đ) quản lý điều hành chung và trực tiếp chỉ đạo, sắp xếp các đối tượng bảo vệ, hồ lý, bảng vị, xóc cái tại sới bạc. Trần Duy H (H), Hồ Thế H1 (H1), Mai Trọng Trung T (T)... giám sát, giữ

trật tự; Võ Phi S4 (TĐ) và Võ Quốc A (K) xóc cái; Trần Văn X; Võ Tuấn Đ (U), T “chùa” và một số đối tượng khác thu hồ lý, bằng vị. Các bị can Nguyễn Quốc N3; Thạch V2; Võ Quốc A và Võ Tuấn Đ (U) ngoài việc trên còn làm bằng vị, thu tiền “xâu”.

Sới bạc tổ chức mỗi ngày 02 ca đánh bạc, ca ngày từ 13h đến 16h30’, ca đêm từ 22h30’ đến 03h sáng hôm sau. Chiều bạc được chia làm hai phần chiều lớn để các con bạc đánh số tiền từ 01 triệu đồng trở lên, phần chiều nhỏ để các con bạc đánh số tiền từ 01 triệu đồng trở xuống. Các con bạc ngồi thành nhiều lớp xung quanh chiếu bạc bằng ghế nhựa để đánh bạc. Cách thức chơi sử dụng 01 bát và 01 chiếc đĩa sứ rồi lấy quân bài (loại tú lơ khơ) cắt thành 04 con vị hình tròn đường kính khoảng 2cm làm dụng cụ đánh bạc được gọi là hình thức xóc đĩa. 04 con vị đều có hai mặt màu sắc khác nhau, quy ước mặt sấp và mặt ngửa tương ứng với màu lá bài. Hình thức đánh bạc được xác định thắng thua bằng các tình huống ngửa và sấp của các con vị, được gọi là cửa chắn và cửa lẻ. Cửa chắn là kết quả có 02 con vị sấp, 02 con vị ngửa hoặc 04 con vị đều sấp hoặc 04 con vị đều ngửa. Cửa lẻ là có 03 con vị sấp, 01 con vị ngửa hoặc 03 con vị ngửa, 01 vị sấp. Mỗi ván xóc đĩa các con bạc đặt cược vào hai cửa chắn, lẻ. Tổng số tiền mỗi ván trên chiếu nhỏ giao động từ 05 triệu đến 10 triệu đồng, chiếu lớn từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng.

Khi chơi, người xóc cái để 04 con vị vào đĩa và lấy bát úp lại, xóc đều rồi đặt xuống chiếu bạc, mỗi lần xóc cái, mở bát được tính là một ván, mỗi ván diễn ra trong khoảng 05 đến 07 phút. Các con bạc có thể lựa chọn đặt tiền cược vào bên chắn hay bên lẻ hoặc đặt cược vào bằng vị in sẵn 4 mặt sấp, hay 4 mặt ngửa hoặc 3 mặt sấp, 3 mặt ngửa. Khi mở bát ra các con vị cho kết quả đúng với bên đặt cược thì thắng, nếu sai thì bị thua số tiền đã đặt. Tỷ lệ thắng thua, nếu đánh chắn lẻ thì tỷ lệ 1:1 (đặt cược 100.000 đồng nếu thắng cược thì được 100.000 đồng); nếu đánh theo bằng vị 4 mặt sấp hoặc 4 mặt ngửa tỷ lệ 1:10 (tức là đánh 100.000 đồng trúng sẽ được 1.000.000 đồng); 3 mặt sấp hoặc 3 mặt ngửa, tỷ lệ 1:3,5 (tức là đánh 100.000 đồng thắng sẽ được 350.000 đồng). Nhà cái sẽ lấy tiền của bên thua trả cho bên thắng, trong trường hợp hai bên đặt tiền chênh lệch nhau thì trong số các con bạc có người đứng ra cược số chênh lệch đó; nhà cái trực tiếp đánh bằng vị với các con bạc hoặc chỉ thu 05% của con bạc nếu thắng cược đánh theo bằng vị (gọi là tiền xâu) khi có người đứng ra ôm bằng vị, nghĩa là con bạc đánh bằng vị thắng được 01 triệu đồng thì chỉ được nhận về 950.000 đồng. Trong sới còn tổ chức cho vay (gọi là tín dụng) do các đối tượng tổ chức cầm đầu hoặc có các đối tượng làm tín dụng cho vay khi con bạc thua hết tiền muốn vay để tiếp tục đánh bạc.

Khoảng 13h15’ ngày 29/6/2017, trong khi Trần Duy H cùng đồng phạm, đang tổ chức đánh bạc xóc đĩa thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra (C45) - Bộ Công an phối hợp với Cục An ninh Tây Nguyên (A90), Trung đoàn Cảnh sát Cơ động Đông Nam Bộ (E25), Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động (K20) Bộ Công an bắt quả tang 84 đối tượng gồm: Trần Duy H, Hồ Thế H1, Võ Tuấn Đ, Mai Trọng Trung T, Trần Văn X, Hồ Phan Phúc D, Phạm Văn L, Lê Quý L2, Phạm Văn T1, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Nhượng T2, Nguyễn Trí V3, Nguyễn H3, Cao Hồng

S1, Nguyễn Hồng Q1, Võ Thị Tuyết N4, Cao Anh K1, Nguyễn Thị V1, Hoàng Văn V4, Đặng Văn T5, Châu Thị Thanh T6, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Văn Hoài B, Trần Văn T, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thế N, Phạm Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Bích N, Huỳnh Hùng C, Lưu Sinh D, Vũ Anh S, Lại Cao S, Bạch Thị P, Phạm Hồng K, Trần Xuân T, Chu Thị M, Y, Nguyễn Châu V, Trương Thanh L1, Phạm Thị Kim V, Phan Thị D, Nguyễn Văn P, Lê Thị B, Nguyễn Thị Cẩm T, Vàng Lệ X, Trần Linh V, Vũ Văn Đ, Trần Văn T, H, Nguyễn Thị T, Phan Thị Thanh H, Châu Thị Thu H, Phạm Văn L, Đặng Văn H, Hồ Thị M, Nguyễn Thế B, Phan Minh T, Nguyễn Thanh H, Lê Văn P, Hoàng Xuân T, Nguyễn Văn Đ, Trần Thị Thanh M, Phạm Quốc T, Tô Thị Nhật T, Nguyễn Thị Ngọc V, Phạm Thị L, Ngô Thị Bích T, Trần Thị L, Phạm Thị M, Nguyễn Thị Bích H, Lê Thị S, La Thị Ngọc H, H, Châu Thị T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Yến L, Đặng Quang D, Nguyễn Thái S, Mai An Đan K, B, Vũ Thị M, Lê Văn L, V Minh D. Thu giữ trên chiếu bạc 259.000.000 đồng và 41 (bốn mươi một) điện thoại di động các loại, các dụng cụ sử dụng để đánh xóc đĩa và một số đồ dùng khác. Thu trên người các đối tượng 137.227.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng) và 26 (hai mươi sáu) điện thoại di động. Thu tại bãi để xe trong sỏi bạc 16 xe ô tô và 02 xe máy.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

* Các bị cáo tổ chức đánh bạc:

Trần Duy H (H) được Nguyễn Quốc N3 (N) nhận vào làm quản lý, giữ trật tự chung của sỏi bạc từ tháng 01/2017 đến ngày 29/6/2017. Nhiệm vụ hàng ngày của H là quán xuyến, giám sát hoạt động và giữ trật tự tại sỏi bạc; khi N3, Thạch V2 đi vắng thì H quán xuyến chung toàn sỏi bạc và thu tiền xâu, làm bảng vị, thu hồ lý. Ngoài ra, H còn làm tín dụng (cho các con bạc vay tiền) tại sỏi bạc. H còn trực tiếp thuê xe ô tô biển số 47A - 04299 của chị Nguyễn Thị Minh D, ở thành phố B để đi lại vào sỏi bạc từ tháng 4/2017 đến khi bị bắt, H đã trả cho D mỗi tháng 30 triệu đồng. H được N3 trả mỗi tháng 07 triệu đồng, hàng ngày H cũng được các con bạc thưởng cho 300.000 đồng. Tổng cộng H được hưởng lợi 50 triệu đồng, số tiền này H đã chi tiêu hết. Ngày 29/6/2017, trong lúc H cùng đồng phạm đang tổ chức cho khoảng hơn 100 con bạc tham gia đánh xóc đĩa thì bị bắt quả tang.

Hồ Thế H1 (HT) thông qua Trần Duy H để thực hiện hành vi đưa đón các con bạc, từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2017, H1 thuê xe ô tô Inova biển số 47A-06266 của anh Trịnh Hoài N, chủ hiệu cầm đồ T trên đường X, B với giá 15 triệu đồng/tháng để sử dụng đưa, đón các con bạc, mỗi chuyến H trả cho Hà 01 triệu đồng. Hàng ngày, H1 lái xe đến quán cà phê đối diện siêu thị Coop Mart trên đường L, thành phố B để tìm người có nhu cầu đánh bạc chở vào sỏi. Khoảng 12h30' ngày 29/6/2017, H1 sử dụng xe ô tô nêu trên chở Trần Văn X, Đặng Quang D, Đinh Thị Yến L vào sỏi bạc. Tổng số H1 đã được H trả 170 triệu đồng, H1 đã chi trả tiền thuê xe ô tô 75 triệu; còn 95 triệu. Ngoài việc thuê xe ô tô đưa đón các con bạc, H1 còn tham gia giữ trật tự sỏi bạc, cho con bạc vay tiền đánh bạc, từ đầu tháng 3/2017 đến khi bị bắt H1 đã cho nhiều đối tượng

trong đó có Trần Văn X, Phạm Nguyễn Thanh L, Phạm Văn L vay tiền để đánh bạc, thu lợi 80 triệu đồng. Hồ Thế H1 khai tổng số tiền thu lợi bất chính là 175 triệu đồng, số tiền này H1 đã sử dụng chi tiêu hết.

Trần Văn X đã nhiều lần đến đánh xóc đĩa tại sới bạc, đến khoảng giữa tháng 4/2017, X được H cho làm tín dụng tại sới, X thường mang theo khoảng 60 triệu đồng để cho các con bạc vay, cứ 5 triệu đồng lấy lãi 100.000 đồng/ngày, nhưng do một số con bạc vay không trả, bị thất thoát hết tiền, nên đến khoảng đầu tháng 6/2017, X không làm tín dụng nữa và được H giao làm hồ lý tại sới bạc với tiền công 10 triệu đồng/tháng. Hàng ngày, X đi xe do Hà chở vào sới, công việc của X là thu tiền của các con bạc thua, trả cho các con bạc thắng. Đến ngày bị bắt, X mới làm được 19 ngày, mỗi ngày X được 200.000 đồng do đối tượng có tên là N cùng làm hồ lý đưa, tổng cộng X đã được hưởng lợi 3.800.000 đồng, số tiền này X đã chi tiêu hết. Ngày 29/6/2017, trong lúc X cùng đồng phạm đang tổ chức cho khoảng hơn 100 con bạc đánh xóc đĩa thì bị bắt quả tang.

Mai Trọng Trung T (T) làm bảo vệ tại sới bạc từ đầu tháng 5/2017 do Nguyễn Quốc N3 và H giới thiệu, nhiệm vụ là quan sát xem có ai móc túi, trộm đồ của các con bạc hoặc gây mất trật tự trong sới bạc thì báo cho H, N3, Thạch V xử lý. Mỗi tuần T được hưởng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, tổng số được hưởng lợi là 03 triệu đồng, số tiền này T đã chi tiêu hết.

Hàng ngày vào khoảng 12h và 21h, T có mặt tại quán cà phê L gần nghĩa trang thành phố B để lên xe ô tô vào sới bạc. Ngày 29/6/2017, khoảng 13h Tuấn đến sới, khi đang tổ chức đánh bạc thì bị bắt quả tang.

Võ Tuấn Đ (U) xin Võ Quốc A cho vào làm tại sới bạc để kiếm tiền, Quốc A đồng ý nhưng phải làm thử, từ ngày 25/6/2017 Đ bắt đầu cùng Quốc A trông bảng vị ở cuối chiếu lớn, theo hướng dẫn của Quốc A khi người cầm cái xóc cái xong, Đ sẽ đứng ra hô “Ai kết vị, báo vị” nếu có người chơi vị thì yêu cầu đặt tiền cá cược, khi con bạc đặt tiền cá cược xong thì mở bát để xác định thắng - thua. Đ sẽ là người lấy tiền của nhà cái trả cho con bạc và ngược lại. Do đang thời gian làm thử, nên Đ chưa được chủ sới trả tiền công, Đ chỉ được con bạc cho mỗi ngày được 200.000 đồng. Tổng số tiền Đ đã được hưởng 600.000 đồng, số tiền này Đ chi tiêu hết.

Ngày 29/6/2017, Đ khai vào sới muộn khi vào đến sới khoảng 13h30 thấy mọi người nói có Công an, nên bỏ chạy ra ô tô chạy được một đoạn thì bị bắt.

Phạm Văn L tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tại sới bạc từ cuối tháng 02/2017, một thời gian sau biết sới bạc cần xe ô tô đưa đón các con bạc, nên L đã xin Thạch V để đưa đón các con bạc, V đồng ý và thống nhất mỗi chuyến chở đủ 7 con bạc thì trả 01 triệu đồng, chở dưới 7 con bạc thì trả 500 ngàn đồng, chuyến nào trả tiền luôn chuyến đó. Từ giữa tháng 4/2017 Phạm Văn L đã sử dụng xe ô tô Innova biển số 47A-13308 (thuê của anh Nguyễn ở xã Cuor Đăng, huyện C) để đưa đón các con bạc vào sới bạc. L được trả tiền công là 90 triệu đồng, sau khi trừ tiền thuê xe, tiền xăng và sửa chữa xe hết 65 triệu đồng, L được hưởng lợi 25 triệu đồng. Số tiền này L đã chi tiêu và sử dụng vào

đánh xóc đĩa hết.

Ngoài hành vi trên, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 02/2017 đến khi bị bắt, L còn thường xuyên tham gia đánh bạc mỗi ván đánh từ 1 triệu đến 4 triệu đồng; lần thắng nhiều nhất 15 triệu đồng, thua nhiều nhất 30 triệu đồng. Ngày 29/6/2017, khoảng 12h30', L điều khiển xe ô tô chở Nguyễn Thị Ngọc V vào sới bạc, L mang theo 15 triệu đồng tham gia đánh 3 ván xóc đĩa, ván thứ nhất, đặt cược mặt chẵn 03 triệu đồng, kết quả bị thua, ván thứ hai đặt cược mặt lẻ 02 triệu đồng, kết quả thắng 02 triệu đồng, ván thứ ba đặt cược mặt lẻ 01 triệu đồng, kết quả thắng 01 triệu đồng, trong khi đang đánh thì bị bắt quả tang.

Phạm Văn T1 (T) thỏa thuận với Nguyễn Văn Q (Q) sử dụng xe ô tô của T1 đưa đón con bạc từ quán café L vào sới của Q để đánh bạc, khi các con bạc chơi xong T1 lại chở họ quay về, mỗi chuyến được từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng. T1 đồng ý và chỉ đi chuyến 12h30', bắt đầu từ cuối tháng 12/2016 đến khi bị bắt T1 đã đi được trên 15 chuyến, Q trả cho T1 08 triệu đồng, số tiền này T1 sử dụng mua xăng xe, sửa xe hết 03 triệu đồng, Tài được hưởng lợi 05 triệu đồng và chi tiêu hết.

Khoảng 12h30' ngày 29/6/2017, T1 điều khiển xe ô tô Toyota Hiace 12 chỗ biển số 47B-01763 (T1 mới mua tháng 10/2016) đến quán café L, Q xếp 12 con bạc lên xe để T1 chở vào sới. Khi đến nơi, T1 dừng xe để các con bạc xuống đi thẳng vào sới đánh bạc, còn T1 đánh xe ra bãi đỗ xe gần đó và ngồi trên xe chờ, được khoảng 30 phút thì T1 bị bắt giữ cùng các con bạc.

Nguyễn Đức H3, Hồ Phan Phúc D, đầu tháng 4/2016 Nguyễn Văn Q nói với H3 cần thuê xe ô tô đưa đón các con bạc vào sới đánh xóc đĩa, nếu H3 có khách đánh bạc ở huyện E chở đến quán cà phê L thì Q sẽ trả 01 triệu đồng, nếu xe đông người thì sẽ trả 1.500.000 đồng/chuyến. H3 đồng ý và sử dụng ô tô loại 16 chỗ nhãn hiệu Mercedes biển số 47B-00979 chở được một số chuyến đưa con bạc từ Nông trường 74 (thuộc tỉnh Đắk Lắk) đến quán café L, được Q trả mỗi chuyến 1.000.000 đồng.

Đến giữa tháng 6/2017, do H3 bị đau tay không lái được nên thuê Hồ Phan Phúc D lái xe (H3 đi cùng xe), H3 trả D 150.000 đồng/chuyến, trả một lần vào cuối mỗi tháng. Từ ngày 23/6/2017 đến ngày 29/6/2017 khoảng 10h30', Dững lái xe ô tô xuất phát từ nhà H3 đến các địa điểm Km62, Km52, Km38 đón các con bạc rồi đến quán café L gần nghĩa trang thành phố B để Quang xếp xe đón thêm đưa vào sới đánh bạc, tại đó Q trả H3 từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/chuyến, ngày 25/6/2017, H3 về trước nên D nhận tiền từ Q mang về đưa cho H3.

Ngày 29/6/2017, do H3 bận nên D điều khiển xe ô tô đi đón các con bạc theo lộ trình như các ngày trước. Khi đến Km38 đón được 02 con bạc và chạy đến quán café L thì Q xếp thêm 08 người nữa lên xe, D đưa vào sới bạc sau đó bị bắt giữ.

Tổng số H3 được Q trả 15 triệu đồng. Số tiền này H3 dùng để mua xăng, sửa chữa xe hết 06 triệu đồng, còn lại H3 hưởng lợi 09 triệu đồng đã chi tiêu hết.

D mới chạy được 07 chuyến do chưa hết tháng nên H3 chưa trả tiền.

Nguyễn Tiến H, Nguyễn Hồng V, từ tháng 4/2017 H thỏa thuận với Nguyễn Văn Q sử dụng xe ô tô 16 chỗ biển số 47B-01291 của H chở các con bạc vào sới đánh bạc, mỗi chuyến Quang trả 01 triệu đồng. Ngày 23/6/2017, H thuê Nguyễn Hồng V lái xe ô tô nêu trên, hàng ngày đưa đón các con bạc theo sự chỉ dẫn của Q và nhận tiền công từ Q. V được H trả công mỗi chuyến 200.000 đồng, xăng xe và các chi phí khác do H chịu. Từ ngày 23/6/2017 đến ngày 29/6/2017, V chở các con bạc từ quán café L vào trong sới, sau đó đánh xe ra bãi đỗ xe của sới chờ đến gần hết ca thì Q ra trả tiền công, hết ca V đưa các con bạc quay lại quán café L. Tổng số Nguyễn Tiến H3 và Nguyễn Hồng V đã được Q trả 35 triệu đồng, sau khi trừ đi tiền mua xăng, sửa chữa xe hết 13 triệu đồng và trả tiền công lái xe cho Nguyễn Hồng V là 1.200.000 đồng. Còn lại H hưởng lợi số tiền là 20.800.000 đồng, số tiền này H chi tiêu hết. Ngày 29/6/2017, V lái xe ô tô đến quán cà phê L đưa 20 con bạc vào sới đánh bạc rồi lái xe ra bãi chờ, đến khoảng 13h30' thì bị bắt.

Nguyễn Trí V (Cu B) thỏa thuận với đối tượng tên là L (V không biết rõ lai lịch) sử dụng ô tô 07 chỗ biển số 79A-02538 (xe của ông Nguyễn Trí H, bố đẻ V) đưa đón các con bạc từ ngã ba Đ (ngã ba C) và cây xăng (gần khu Công nghiệp T, C) đến sới để đánh xóc đĩa, mỗi chuyến L trả 01 triệu đồng. Từ đầu tháng 02/2017, Nguyễn Trí V bắt đầu đưa đón các con bạc, chuyến đầu tiên L trả tiền, các chuyến sau thì H “bộ đội” trả tiền. V đã đưa đón được 80 chuyến và hưởng lợi được 80 triệu đồng, trong đó đã sử dụng 20 triệu đồng đưa cho ông Nguyễn Trí H để trả lãi ngân hàng tiền mua chiếc xe ô tô này, sử dụng 20 triệu mua xăng, sửa chữa xe. V được hưởng lợi số tiền là 40 triệu đồng, đã chi tiêu hết.

Ngày 29/6/2017, khoảng 12h30', V điều khiển ô tô đến đón Hoàng Văn V, Nguyễn Văn T, Vũ Anh S, Phạm Quý L và một số đối tượng khác đưa vào sới đánh xóc đĩa thì bị bắt giữ.

Nguyễn Nhượng T2 (L) trao đổi với Nguyễn Văn Q sử dụng xe ô tô loại 16 chỗ biển số 47B-01791 (xe do T2 mua thanh lý của Công ty X) để đưa đón các con bạc từ quán café L vào sới đánh bạc, nếu chở trên 10 con bạc/chuyến Q sẽ trả 01 triệu đồng, nếu chở dưới 10 con bạc/chuyến thì trả 500.000 đồng, tiền sẽ trả theo từng chuyến vào cuối mỗi ca. Khoảng 11h30' ngày 29/6/2017, Nguyễn Nhượng T2 lái xe ô tô chở Vàng Lệ X, Nguyễn Thị Cẩm T từ xã H, thành phố B đến quán café L để Q xếp khoảng 10 con bạc lên xe ô tô sau đó T2 đưa vào sới đánh bạc cùng 03 xe ô tô nữa (T2 không nhớ biển số 03 xe này). Khi vào đến nơi, T2 dừng xe cho các con bạc xuống vào sới, sau đó đánh xe ra bãi xe nằm chờ được khoảng 10 phút thì bị bắt giữ. Do là lần đầu tiên T2 chở các con bạc vào sới đánh bạc nên chưa kịp nhận tiền công do Q trả.

Nguyễn Văn Q (Q bộ đội) được Thạch V (Đen tộc) nhận vào làm quản lý điều hành xe ô tô đưa đón con bạc vào sới bạc để đánh bạc. Từ tháng 01/2017, với nhiệm vụ tìm những chủ xe ô tô để thuê xe đưa đón các con bạc và kiểm soát khách từ ngoài vào sới bạc, trực tiếp trả tiền thuê xe ô tô đưa đón con bạc.

Q được Thạch V trả công 700.000 đồng/ngày (300.000 đồng ca ngày, 400.000 đồng ca đêm). Ngày 29/6/2017, Nguyễn Văn Q có mặt tại khu vực bãi xe của sới bạc để điều hành, khi Công an bắt quả tang sới bạc Q đã chạy trốn, sau đó ra đầu thú. Tổng số tiền Q được Thạch V trả là 10.500.000 đồng, số tiền này Q đã chi tiêu hết.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Duy H, Hồ Thế H1, Mai Trọng Trung T, Nguyễn Hồng Q1, Nguyễn Văn P khai sới bạc này do T (t), T (D) là người đứng ra tổ chức. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của Đỗ Chí T (T “Tiếp”) nhưng T không thừa nhận hành vi phạm tội, Nguyễn Hữu T không có mặt tại địa phương. Đến nay chưa đủ tài liệu, chứng cứ để xác định Đỗ Chí T, Nguyễn Hữu T là người đứng ra tổ chức sới bạc, do một số đối tượng có liên quan đang bỏ trốn, nên Cơ quan điều tra tách hành vi Tổ chức đánh bạc của một số đối tượng ra khi nào bắt được các đối tượng liên quan sẽ phục hồi điều tra, xử lý sau.

Ngoài ra, các bị cáo tổ chức đánh bạc khai về việc sử dụng thửa đất - rẫy cà phê, hồ tiêu, thuộc thôn 1, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Cơ quan điều tra đã xác minh thửa đất nơi xảy ra vụ án là của ông Hoàng Ngọc H4, tên gọi khác là “Nô”, sinh năm 1954, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông Hồng đã đi khỏi địa phương từ năm 2001 và có thuê người tên H quản lý, sử dụng rẫy cà phê, hồ tiêu này. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được tên, tuổi địa chỉ của người tên là H do H bỏ đi khỏi địa phương sau khi sới bạc bị bắt nên không xác định được các đối tượng này có biết việc các bị cáo sử dụng rẫy này dùng vào mục đích đánh bạc hay không. Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ và xem xét, xử lý sau là có căn cứ.

Quá trình điều tra nhiều bị cáo khai sới bạc được tổ chức đã lâu, nhiều đối tượng tham gia đánh bạc, nhưng không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về các lần tổ chức đánh bạc trước đó.

* Các bị can đánh bạc:

Các bị cáo khai ngày 29/6/2017 đang đánh bạc thì bị bắt gồm:

Nguyễn H3 đến lần đầu mang 3.000.000 đồng đã đánh 02 ván, Cao Hồng S1 lần thứ hai mang 400.000 đồng đã đánh 01 ván, Lại Cao S đến lần đầu mang 2.300.000 đồng đã đánh 03 ván, Bạch Thị P lần thứ hai mang 450.000 đồng đã đánh 05 ván, Phạm Hồng K đến lần thứ hai mang 600.000 đồng đã đánh 02 ván, Nguyễn Văn Hoài B đến lần thứ hai mang 1.500.000 đồng đã đánh 02 ván, khi bỏ chạy nhặt được 30.000.000 đồng nộp cho Cơ quan điều tra, Nguyễn Châu V nhiều lần đến đánh bạc, lần này mang 2.000.000 đồng đã đánh 02 ván, Trần Xuân T đến lần đầu mang 170.000 đồng đã đánh 01 ván, Chu Thị M đến lần đầu mang 300.000 đồng đã đánh 01 ván, Y lần thứ hai mang 10.000.000 đồng đã đánh 01 ván, Trương Thanh L1 đến lần thứ hai mang 1.000.000 đồng đã đánh 03 ván, Nguyễn Thị P đến lần thứ ba mang 950.000 đồng đã đánh 01 ván.

Các bị cáo khai ngày 29/6/2017 mục đích đến đánh bạc nhưng chưa đánh thì bị bắt gồm:

Nguyễn Hồng Q1 đến lần đầu mang 9.500.000 đồng bị thu giữ 5.000.000 đồng; Cao Anh K1 đến lần đầu mang 30.000.000 đồng khi bị bắt thu giữ 10.000.000 đồng và 01 điện thoại di động; Nguyễn Thị V1 đến lần đầu mang theo 8.000.000 đồng, thu giữ được 400.000 đồng; Hoàng Văn V4 đến lần thứ ba mang 5.500.000 đồng đã bị thu giữ số tiền này; Nguyễn Văn T3 đến lần đầu mang 3.000.000 đồng; Vũ Anh S đến lần thứ hai mang 10.000.000 đồng, bị thu giữ 5.890.000 đồng và 02 điện thoại di động; Đặng Văn T5 đến lần đầu mang 587.000 đồng, thu giữ 87.000 đồng; Châu Thị Thanh T6 lần đầu đến mang 300.000 đồng; Nguyễn Tấn H4 đến lần thứ hai mang 6.750.000 đồng khi bị bắt thu giữ 5.000.000 đồng và 01 điện thoại di động; Nguyễn Thế N đến lần thứ hai mang 10.000.000 đồng khi bị bắt thu giữ 5.000.000 đồng; Lưu Sinh D đến lần đầu mang 90.000 đồng và mục đích đến đòi nợ 8.000.000 đồng để đánh bạc; Phạm Nguyễn Thanh L đến nhiều lần, lần này mang 40.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt thu giữ 20.000.000 đồng; Nguyễn Thị Bích N đến lần đầu mang 500.000 đồng khi bị bắt thu giữ 01 điện thoại di động; Lê Quý L2 các lần trước đến xem lần này đến đánh bạc và cho người khác vay, mang 45.000.000 đồng, thu giữ 13.500.000 đồng.

Xét thấy tất cả các bị cáo đều bị bắt quả tang tại sới bạc, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 259.000.000 đồng trên chiếu bạc, thu trên người các đối tượng 137.227.000 đồng và nhiều vật chứng xác định việc tổ chức đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Đây là sới bạc được tổ chức có quy mô lớn và rất tinh vi, muốn vào được sới bạc phải do xe của sới đưa đón, dọc đường có bố trí nhiều người canh gác, người dân bình thường không vào được sới bạc này. Quá trình điều tra hầu hết các bị cáo đều khai nhận mục đích vào sới để đánh bạc, một số bị cáo khai đang đánh bạc thì bị bắt, nhưng một số bị cáo khai chưa kịp đánh bạc thì bị bắt, nhiều bị cáo khai nhận không trung thực về số tiền mang theo và số tiền đánh bạc, có bị cáo khai không mang theo tiền, hoặc mang theo rất ít.

Đối với bị cáo Phạm Nguyễn Thanh L quá trình điều tra có một số bị cáo nhận dạng cho rằng L là lái xe chở các con bạc cho sới bạc, nhưng L không thừa nhận là lái xe thuê cho sới bạc. Do các bị can điều hành xe đang bỏ trốn nên chưa đề cập khởi tố đối với L về tội Tổ chức đánh bạc. Sau này có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đức H2 khai đã bán xe ô tô loại 16 chỗ nhãn hiệu Mercedes biển kiểm soát 47B-00979 cho Nguyễn Thế B, Ba sử dụng chiếc xe trên để chở các con bạc cho sới bạc. Cơ quan điều tra đã điều tra xác định Nguyễn Thế B không sử dụng xe hay mua xe của Nguyễn Đức H2 để chở các con bạc.

Ngoài ra, nhiều bị can còn khai nhận đã đến sới bạc nêu trên chơi nhiều lần, nhưng không có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các lần tham gia đánh bạc trước đó.

Trong vụ án này các bị can Nguyễn Quốc N3 (N), là người quản lý trực tiếp tại sới bạc có nhiệm vụ theo dõi và điều hành sới bạc và thu tiền về nếu sới bạc thắng và trả tiền cho các đối tượng bảo vệ, hồ lý, lái xe, con bạc thắng.

Thạch V2 (Đ, Cu đen) là người quản lý trực tiếp tại sới bạc cùng với Nguyễn Quốc N3. Võ Quốc A (K) làm hồ lý. Võ Phi S (Tèo, đen) làm xóc cái tại sới bạc. Các bị can nêu trên đang bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã và tách vụ án khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Huỳnh Hùng C đã bị khởi tố về tội Đánh bạc, quá trình điều tra C khai ngày 29/6/2017 đến sới bạc để tìm vợ là Trần Thị Thanh M khi tìm được nhưng bảo vệ không cho ra đang ngồi ở gốc cây thì bị bắt, bị can Trần Duy H là đối tượng tổ chức sới bạc khai và nhận diện xác định Huỳnh Hùng C là con bạc mới. Hiện nay, một số bị can và đối tượng có liên quan xác định làm rõ hành vi đánh bạc của C đang bỏ trốn. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với Huỳnh Hùng C về tội Đánh bạc. Khi nào bắt được các đối tượng có liên quan trong vụ án sẽ điều tra, xem xét xử lý sau.

Đối với các bị can Võ Thị Tuyết N4, Nguyễn Văn P, Phan Thị D, Phạm Thị Kim V, Trần Văn T bị khởi tố về tội Đánh bạc, quá trình điều tra các bị can khai mục đích mang tiền vào xới bạc để đánh xóc đĩa nhưng chưa kịp đánh, số tiền thu được trên người các bị can dưới 5 triệu đồng, các bị can trên chưa có tiền án, tiền sự hoặc có có tiền án, tiền sự nhưng đã được xóa án tích. Do BLHS năm 2015 quy định mức khởi điểm số tiền đánh bạc từ 5 triệu đồng trở lên mới phải chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định đình chỉ điều tra đối với các bị can trên.

Các đối tượng Lê Thị B, Nguyễn Thị Cẩm T, Vàng Lê X, Trần Linh V, Vũ Văn Đ, Trần Văn T, H, Phạm Văn L, Hồ Thị M, Nguyễn Thế B, Phan Minh T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn Đ, Trần Thị Thanh M, Phạm Quốc T, H, Nguyễn Thị T, Phan Thị Thanh H, Châu Thị Thu H, Đặng Văn H, Lê Văn P, Hoàng Xuân T, Tô Thị Nhật T, Nguyễn Thị Ngọc V, Phạm Thị L, Ngô Thị Bích T, Trần Thị L, Phạm Thị M, Nguyễn Thị Bích H, Lê Thị S, La Thị Ngọc H, Châu Thị T, Nguyễn Thị T, Đinh Thị Yến L, Đặng Quang D, Nguyễn Thái S, Mai An Đan K, B, Vũ Thị M, Lê Văn L, V Minh D bị bắt ngày 29/6/2017 tại sới bạc, mang theo số tiền dưới 05 triệu đồng mục đích để đánh bạc nhưng chưa kịp đánh thì bị bắt. Xét thấy, hành vi của các đối tượng trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 26 chiếc điện thoại trên người các đối tượng, trong đó xác định được 17 chiếc điện thoại của 16 bị can (08 chiếc không sử dụng vào mục đích đánh bạc), còn lại 09 chiếc điện thoại của các đối tượng tách ra để xử phạt vi phạm hành chính; thu giữ 41 điện thoại tại sới bạc nhưng không xác định được chủ sở hữu của từng chiếc điện thoại. Thu tại sới bạc 16 xe ô tô, trong đó có 05 chiếc chưa xác định được chủ sở hữu của các đối tượng tổ chức đánh bạc sử dụng chuyên chở con bạc. Cơ quan điều tra đã thông báo trên báo, đài để truy tìm chủ sở hữu của các tài sản nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã trả lại xe ô tô bán tải hiệu Nissan Navara, màu sơn: Bạc, số máy: YD25603795T, số khung: MNTCC4D23Z0001011, biển số 47C – 095.03 cho ông Ngô Quang N,

nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; trả xe ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: INNOVA, màu bạc, biển số: 79A-025.38, số máy: 1TR7381086, số khung: RL4XW42GXC9401894 cho ông Nguyễn Trí H, nơi cư trú: tỉnh Khánh Hòa; trả xe ô tô Toyota Fortuner, màu bạc, số máy: 2KD7556665, số khung: MR0ZR69G700011062, biển kiểm soát 47A – 075.41 cho bà Phạm Thị A, nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2018/HS-ST ngày 20 - 9 - 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố:

Các bị cáo Trần Duy H, Hồ Thế H1, Võ Tuấn Đ, Trần Văn X, Mai Trọng Trung T, Nguyễn Hồng V, Phạm Văn T1, Nguyễn Nhược T2, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”;

Bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”.

Các bị cáo Nguyễn H3, Nguyễn Văn T3, Vũ Anh S, Nguyễn Thế N, Lưu Sinh D, Cao Hồng S1, Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Thị V1, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Văn Hoài B, Bạch Thị P, Phạm Hồng K, Chu Thị M, Trương Thanh L1, Lê Quý L2 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Trần Duy H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.*

2. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Hồ Thế H1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.*

3. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Nguyễn Văn Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.*

4. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Trần Văn X 02 (Hai) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.*

5. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Mai Trọng Trung T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: **Võ Tuấn Đ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Đức H2 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Phạm Văn T1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Phạm Văn L 01 (Một) năm tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

10. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Nhược T2 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

11. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Hồng V 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/02/2018.

12. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Tiến H3 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn H3 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 08/02/2018.

14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Văn Hoài B 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 27/9/2017.

15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Trương Thanh L1 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Phạm Hồng K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Cao Hồng S1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 27/9/2017.

18. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Bạch Thị P 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

19. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Chu Thị M 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

20. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Lê Quý L2 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 05/02/2018.*

21. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Cao Anh K1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 23/3/2018.*

22. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015;

*Xử phạt: **Vũ Anh S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 20/3/2018.*

23. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Nguyễn Thế N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 12/02/2018.*

24. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Nguyễn Hồng Q1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 23/3/2018.*

25. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Nguyễn Thị V1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 27/10/2017.*

26. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Nguyễn Tấn H4 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 14/3/2018.*

27. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

*Xử phạt: **Nguyễn Văn T3 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 06/02/2018.*

28. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: **Lưu Sinh D 01 (Một) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 12/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với 12 bị cáo khác (các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo kháng nghị), hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Trong thời hạn luật định:

- Các bị cáo: Trần Duy H, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Tiến H3, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Thế N, Lưu Sinh D, Nguyễn Văn Hoài B, Cao Hồng S1, Nguyễn H3, Bạch Thị P, Vũ Anh S, Phạm Hồng H, Lê Quý L2 kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Các bị cáo: Nguyễn Đức H2, Nguyễn Thị V1 kháng cáo xin được hưởng án treo;

- Các bị cáo Hồ Thế H1, Trần Văn X, Mai Trọng Trung T, Phạm Văn T1, Nguyễn Nhược T2, Phạm Văn L, Võ Tuấn Đ, Nguyễn Tấn H4, Trương Thanh L1 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Chu Thi M kháng cáo với nội dung bị cáo bị oan, đề nghị Toà phúc thẩm tăng cứu hồ sơ hoặc huỷ án sơ thẩm để xét xử lại. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thay đổi kháng cáo xin được giảm án và được hưởng án treo.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn L, Phạm Hồng K. Các bị cáo còn lại, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo và có thể tuyên mức phạt tù bằng thời gian đã tạm giam cho các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn H3, Lưu Sơn D, Nguyễn Thế N, Cao Hồng S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

[2] Lời khai của các bị cáo Trần Duy H, Hồ Thế H1, Võ Tuấn Đ, Trần Văn X, Mai Trọng Trung T, Nguyễn Hồng V, Phạm Văn T1, Nguyễn Nhược T2, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn L, Nguyễn H3, Nguyễn Văn T3, Vũ Anh S, Nguyễn Thế N, Lưu Sinh D, Cao Hồng S1, Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Thị V1, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Văn Hoài B, Bạch Thị P, Phạm Hồng K, Trương Thanh L1, Lê Quý L2 tại phiên toà sơ thẩm là cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo Chu Thị M, bị cáo cho rằng bị cáo mang tiền đi đánh bạc nhưng chưa vào sới bạc thì bị bắt, lời khai trong quá trình điều tra là do bị cán bộ điều tra ép cung nhưng tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ tài liệu có trong hồ sơ để kết án bị cáo là có căn cứ.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 29/6/2017, trong khi Trần Duy H cùng Hồ Thế H1, Võ Tuấn Đ, Mai Trọng Trung T, Trần Văn X, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Nhược T2, Nguyễn Văn Q tổ chức cho các bị cáo Nguyễn H3, Nguyễn Châu V, Cao Hồng S1, Lại Cao S, Bạch Thị P, Phạm Hồng K, Nguyễn Văn Hoài B, Chu Thị M, Trương Thanh L1 đánh xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền; các bị cáo Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Thị V1, Hoàng Văn V4, Đặng Văn T5, Châu Thị Thanh T6, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Thế N, Phạm Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Bích N, Lưu Sinh D, Vũ Anh S, Phạm Văn L, Lê Quý L2 chuẩn bị đánh bạc thì bị bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 259.000.000 đồng, thu trên người các bị cáo số tiền 104.207.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc; tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 363.207.000 đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo Trần Duy H, Hồ Thế H1, Võ Tuấn Đ, Mai Trọng Trung T, Trần Văn X, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn L, Phạm Văn T1, Nguyễn Đức H2, Nguyễn Tiến H3, Nguyễn Hồng V đã phạm vào tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 1999.

Các bị cáo Nguyễn H3, Cao Hồng S1, Lại Cao S, Bạch Thị P, Phạm Hồng K, Nguyễn Văn Hoài B, Chu Thị M, Trương Thanh L1, Phạm Văn L đã thực hiện hành vi đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Thị V1, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Thế N, Nguyễn Văn T3, Lưu Sinh D, Vũ Anh S, Lê Quý L2 mặc dù chưa đánh bạc nhưng các bị cáo đã mang theo tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc, đã lên xe vào trong sới bạc, đang chuẩn bị đánh bạc nhưng chưa kịp đánh thì bị bắt quả tang, với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 363.207.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*”.

Trong đó, các bị cáo Nguyễn H3, Cao Hồng S1, Lại Cao S, Bạch Thị P, Phạm Hồng K, Nguyễn Văn Hoài B, Chu Thị M, Trương Thanh L1, Nguyễn

Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Thị V1, Nguyễn Tấn H4, Lưu Sinh D, Nguyễn Thế N, Nguyễn Văn T3, Vũ Anh S, Phạm Văn L, Lê Quý L2 phạm tội “Đánh bạc” với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ năm mươi triệu đồng trở lên*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự 1999. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 như đã nêu ở trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và cho hưởng án treo của các bị cáo: Trần Duy H, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Tiến H3, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Thế N, Lưu Sinh D, Nguyễn Văn Hoài B, Cao Hồng S1, Nguyễn H3, Vũ Anh S, Phạm Hồng K, Lê Quý L2, Bạch Thị P, thấy: Các bị cáo Trần Duy H, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Tiến H3 bị truy tố và xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Trong đó Trần Duy H và Nguyễn Văn Q phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tổ chức”. Trần Duy H là người tổ chức, giám sát, quán xuyến sới bạc. Nguyễn Văn Q là người quản lý điều hành; Nguyễn Hồng V, Nguyễn Tiến H3 là những người chở con bạc vào sới. Các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Thế N, Lưu Sinh D, Nguyễn Văn Hoài B, Cao Hồng S1, Nguyễn H3, Bạch Thị P, Vũ Anh S, Phạm Hồng K, Lê Quý L2 bị xét xử theo Khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự. Tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm, thực hiện hành vi đánh bạc, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, cân nhắc dựa trên vai trò, số tiền mà các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc; xem xét nhân thân, và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Riêng bị cáo Bạch Thị P, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy vai trò thứ yếu, chỉ mang 450.000 đồng tham gia đánh bạc, là phụ nữ một mình nuôi con, chưa tiền án, tiền sự, hiện đang bị bệnh nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đức H2 và bị cáo Nguyễn Thị V1, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị V1 bổ sung kháng cáo xin được giảm án, thấy: Nguyễn Đức H2 có vai trò quan trọng trong vụ án, sử dụng xe của mình để chở con bạc vào sới bạc thu lợi 9.000.000 đồng, thuê Hồ Phan Phúc D, Nguyễn Hồng V chở các con bạc vào sới bạc, bị cáo có nhân thân xấu: năm 2002 bị Tòa án xử về tội “Cướp tài sản”, năm 2013 bị Tòa án xử về tội “Đánh bạc”. Ở giai đoạn phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Đức H2. Riêng bị cáo Nguyễn Thị V1 tuy bị xét xử theo khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo mang tiền vào để đánh bạc nhưng chưa đánh thì bị bắt, là người phụ nữ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị bệnh nặng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vạn Phú ngày 02/4/2019) nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo nhưng do tính

chất của vụ án nên không thể cho bị cáo được hưởng án treo mà chỉ giảm một phần hình phạt. Từ phân tích, lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đức H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị V1, giảm một phần hình phạt.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hồ Thế H1, Trần Văn X, Mai Trọng Trung T, Phạm Văn T1, Nguyễn Nhượng T2, Phạm Văn L, Võ Tuấn Đ, Nguyễn Tấn H4, Trương Thanh L1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Hồ Thế H1 bị xét xử theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, có một tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tổ chức” (điểm a, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999), là người thực hành tích cực, có nhân thân xấu - năm 2005 đã bị Tòa án xét xử; Trần Văn X, bị xét xử theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, có một tình tiết tăng nặng tại điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999, làm hồ lý tức là yêu cầu con bạc đặt tiền cá cược

, mở bát xác định thắng thua, thu tiền con bạc đưa cho nhà cái hoặc chia tiền thắng thua; Mai Trọng Trung T bị xét xử theo khoản 1 Điều 249 và có tình tiết tăng nặng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999, làm bảo vệ tại sới bạc, có nhân thân xấu - đã hai lần bị Tòa án xét xử; Phạm Văn T1 bị xét xử theo khoản 1 Điều 249, điều khiển xe chở con bạc, có nhân thân xấu; Nguyễn Nhượng T2 bị xét xử theo khoản 1 Điều 249, có tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 - tái phạm, điều khiển xe chở con bạc; Võ Tuấn Đ làm hồ lý, thực hiện tích cực trong vụ án, có nhân thân xấu - năm 2010 bị toà án xét xử, năm 2015 bị công an xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; Nguyễn Tấn H4 và Trương Thanh L1 bị xét xử theo khoản 2 Điều 248, các bị cáo này mang tiền vào để đánh bạc nhưng chưa đánh thì bị bắt tuy nhiên hình phạt ở khoản 2 Điều 248 quy định khởi điểm là hai năm (từ hai năm đến bảy năm) và do tính chất ảnh hưởng trật tự địa phương. Mặt khác, trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo cũng không xuất trình được những tình tiết giảm nhẹ nào mới. Từ những phân tích, lập luận trên thấy cấp sơ thẩm xử các bị cáo là không nặng, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Riêng bị cáo Phạm Văn L tuy bị xét xử về hai tội nhưng bị cáo có nhân thân tốt, giai đoạn phúc thẩm xuất trình thêm tình tiết bố bị cáo là ông Phạm Thanh Sơn là người có công với cách mạng (BL số 5446), đây là tình tiết mới cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Xét kháng cáo cho rằng không phạm tội của bị cáo Chu Thị M, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Mặc dù tại phiên toà sơ thẩm và trong đơn kháng cáo bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng tại phiên toà phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và thay đổi kháng cáo xin được giảm án và được hưởng án treo. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can (các Bút lục 1425-1450), bị cáo Chu Thị M khai nhận vào chiều ngày 29/6/2017, bị cáo lần đầu đến sới bạc mang 300.000 đồng, đã đánh một ván. Tại Bút lục 1444, bản tự khai của

Chu Thị M ngày 20/11/2017, bị cáo thừa nhận: *“Qua tìm hiểu bị can có tới sỏi bạc đánh xóc đĩa tại ...bị can đã đến đó đánh xóc đĩa lần đầu tiên vào khoảng 11h ngày 29/6/2017, bị can mang theo 300.000 đồng;..Bị can đi vào chỗ chiếu nhỏ, bên tay phải người xóc cái và đặt cược một ván lẻ, số tiền 50.000 đồng;..tôi nhận thức được hành vi của mình là phạm tội đánh bạc. Tôi xin thành khẩn khai báo để được sự khoan hồng của pháp luật. Trong quá trình làm việc tôi không bị ai đánh đập, ép buộc gì. Tôi xin cam đoan lời khai trên của mình là sự thật...”*. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ. Xét kháng cáo xin giảm án và cho hưởng án treo của bị cáo thấy: Bị cáo có vai trò thứ yếu, số tiền mang theo ít, chỉ tham gia đánh một lần, thành khẩn ở gia đoạn phúc thẩm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo. Tuy bị cáo là phụ nữ nhưng do tính chất hành vi và hậu quả của vụ án nên không thể chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo mà chấp nhận giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Từ những phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Chu Thị M, Nguyễn Thị V1, Bạch Thị P, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Duy H, Hồ Thế H1, Võ Tuấn Đ, Trần Văn X, Mai Trọng Trung T, Nguyễn Hồng V, Phạm Văn T1, Nguyễn Nhược T2, Nguyễn Tiến H3, Nguyễn Đức H2, Nguyễn Văn Q, Nguyễn H3, Nguyễn Văn T3, Vũ Anh S, Nguyễn Thế N, Lưu Sinh D, Cao Hồng S1, Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Văn Hoài B, Phạm Hồng K, Trương Thanh L1, Lê Quý L2, giữ nguyên quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Trần Duy H, Hồ Thế H1, Võ Tuấn Đ, Trần Văn X, Mai Trọng Trung T, Nguyễn Hồng V, Phạm Văn T1, Nguyễn Nhược T2, Nguyễn Tiến H, Nguyễn Đức H3, Nguyễn Văn Q, Nguyễn H3, Nguyễn Văn T3, Vũ Anh S, Nguyễn Thế N, Lưu Sinh D, Cao Hồng S1, Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Văn Hoài B, Phạm Hồng K, Trương Thanh L1, Lê Quý L2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Văn L, Bạch Thị P, Chu Thị M, Nguyễn Thị V1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về Hình phạt bổ sung, về dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Trần Duy H, Hồ Thế H1, Nguyễn Văn Q, Trần Văn X, Mai Trọng Trung T, Võ Tuấn Đ, Nguyễn Đức H2,

Phạm Văn T1, Nguyễn Nhược T2, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Tiến H3, Nguyễn H3, Nguyễn Văn Hoài B, Trương Thanh L1, Phạm Hồng K, Cao Hồng S1, Lê Quý L2, Cao Anh K1, Vũ Anh S, Nguyễn Thế N, Nguyễn Hồng Q1, Nguyễn Tấn H4, Nguyễn Văn T3, Lưu Sinh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Trần Duy H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Hồ Thế H1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Văn Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Trần Văn X 02 (Hai) năm tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Mai Trọng Trung T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

1.6. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: **Võ Tuấn Đ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Đức H2 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.8. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Phạm Văn T1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 07/02/2018.

1.9. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Nhược T2 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

1.10. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Hồng V 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/02/2018.

1.11. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Tiến H3 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.12. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn H3 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 08/02/2018.

1.13. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Văn Hoài B 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 27/9/2017.

1.14. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Trương Thanh L1 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

1.15. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Phạm Hồng K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

1.16. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Cao Hồng S1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 27/9/2017.

1.17. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Lê Quý L2 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 05/02/2018.

1.18. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Cao Anh K1 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 23/3/2018.

1.19. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: **Vũ Anh S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 20/3/2018.

1.20. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Thế N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 12/02/2018.

1.21. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Hồng Q1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được

khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 23/3/2018.

1.22. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Tấn H4 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 14/3/2018.

1.23. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 18; khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Văn T3 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 06/02/2018.

1.24. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: **Lưu Sinh D 01 (Một) năm tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 12/02/2018.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn L, Bạch Thị P, Chu Thị M, Nguyễn Thị V1, sửa bản án sơ thẩm.

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Phạm Văn L 01 (Một) năm tù**, về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Phạm Văn L 18 (Mười tám) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự 1999 để tổng hợp hình phạt của hai tội. Buộc bị cáo phải chấp hành **30 (Ba mươi) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 05/02/2018.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Bạch Thị P 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Chu Thị M 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 29/6/2017 đến ngày 09/7/2017.

2.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 18, khoản 3 Điều 52 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: **Nguyễn Thị V1 01 (Một) năm tù**, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 27/10/2017.

3. Về án phí:

Các bị cáo Trần Duy H, Hồ Thế H1, Trần Văn X, Mai Trọng Trung T, Võ Tuấn Đ, Phạm Văn T1, Nguyễn Đức H2, Nguyễn Tiến H3, Nguyễn Hồng V, Nguyễn Nhược T2, Nguyễn Văn Q, Nguyễn H3, Vũ Anh S, Nguyễn Thế N, Lưu Sinh D, Nguyễn Văn T3, Cao Hồng S1, Phạm Hồng K, Nguyễn Văn Hoài B, Trương Thanh L1, Nguyễn Hồng Q1, Cao Anh K1, Nguyễn Tấn H4, Lê Quý L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Cường